TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 738/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị D, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Trần Văn G, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2024 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà D và ông G chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2011. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con và bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Hà Thị D yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn G.

- Về con chung: Có 01 người con tên Trần Đang Q, sinh ngày 27/4/2005 (nam). Khi ly hôn con đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Văn G:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông G không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà D. Đồng thời, Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông G vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hà Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Trần Văn G Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông G, nhưng ông G vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn G.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Hà Thị D và ông Trần Văn G kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 05 tháng 5 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Hà Thị D và ông Trần Văn G được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, bà Hà Thị D xin ly hôn với ông Trần Văn G là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con và bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau, cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Về phía ông G đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông G vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà D, từ đó cho thấy ông G cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông G. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Hà Thị D với ông Trần Văn G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của bà Hà Thị D. Bà Hà Thị D được ly hôn với ông Trần Văn G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà Hà Thị D xác định có 01 người con tên Trần Đang Q, sinh ngày 27/4/2005 (nam). Khi ly hôn con đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu giải quyết. Do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà Hà Thị D phải chịu nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị D. Bà Hà Thị D được ly hôn với ông Trần Văn G.

2. Về nuôi con chung: Bà Hà Thị D xác định có 01 người con tên Trần Đang Q, sinh ngày 27/4/2005 (nam). Khi ly hôn con đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu giải quyết. Do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Hà Thị D phải chịu nộp án phí 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Hà Thị D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019036 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Hưng Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo